

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2025/HC-PT

Ngày: 27/02/2025

V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính
và hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phan Nam;

Ông Phạm Văn Lợi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Liên - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuyền, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 532/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2024/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1024/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Số nhà C, đường H, tổ A phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh Q - Chức vụ: Chủ tịch

UBND huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Bá H1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện bị kiện là UBND huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 20/12/2000, bà Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng của gia đình ông Nguyễn Văn L 01 căn nhà xây 3 gian bằng gạch xi và bếp công trình phụ với giá 7.500.000 đồng. Gia đình bà H đã sử dụng nhà và đất ở ổn định, không có tranh chấp từ năm 2000 cho đến nay, diện tích đất khoảng 250m², diện tích đất thực tế đo đạc khi nhà nước thu hồi là 238,2m². Quá trình sử dụng đất cụ thể như sau:

- Gia đình bà H sử dụng nhà cũ của ông Nguyễn Văn L đến năm 2016 khi nhà xuống cấp bị đột, ngập nước do mưa lũ thì tiến hành sửa chữa lại nhà vẫn trên nền móng và hiện trạng cũ.

- Tháng 12/2022 gia đình bà H đã nộp thuế để được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 100m² đất ở, thời điểm sử dụng đất từ năm 2000.

Ngày 24/4/2023, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1423/QĐ-UBND về việc thu hồi đất (*viết tắt là Quyết định số 1423*) và Quyết định số 1425/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (*viết tắt là Quyết định số 1425*) để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai (*viết tắt là Dự án*) đối với diện tích đất trên của gia đình bà H. Bà H không nhất trí với các quyết định hành chính của UBND huyện B vì những lý do sau:

- Quyết định số 1423 thu hồi đất của hộ bà H đối với diện tích đất 238,2m² đất trồng cây lâu năm (CLN) là không đúng theo hiện trạng sử dụng đất. Việc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B tự ý chỉnh lý 100m² đất ở tại bản đồ địa chính xác định loại đất CLN là trái pháp luật.

Căn cứ Bản đồ địa chính tại thửa đất số 193, tờ bản đồ DC5 xác định diện tích 100m² đất của gia đình bà H là đất ở (ODT). Ngoài ra, căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất thực tế trên đất có nhà ở, công trình phụ và tài liệu là Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đều xác định diện tích đất của gia đình bà H là đất ở.

Căn cứ Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 79, Điều 100 Luật Đất đai thì việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 1423 thu hồi đất của hộ bà H là trái pháp luật. Do đó một phần Quyết định số 1425 của UBND huyện B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng Dự án đối với hộ bà H và Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 26/5/2023

của Chủ tịch UBND huyện B (*viết tắt là Quyết định số 1948*), một phần Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung (*viết tắt là Quyết định số 4561*) cũng trái pháp luật.

Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 1423 của UBND huyện B;
- Hủy một phần Quyết định số 1425 của UBND huyện B liên quan đến hộ gia đình bà H;
- Hủy Quyết định số 1948 của UBND huyện B;
- Hủy một phần Quyết định số 4561 của UBND huyện B liên quan đến gia đình bà H.
- Buộc UBND huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ thống kê, bồi thường chi trả các chính sách hỗ trợ và cấp đất tái định cư cho gia đình bà H theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện B, tỉnh Lào Cai trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất:

Bà Nguyễn Thị H đang sử dụng đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ 39; diện tích 238,2m² địa chỉ tại tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSD đất*).

Căn cứ biên bản họp ngày 22/6/2022 của UBND thị trấn P về việc lấy ý kiến về nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H là năm 1963 ông Nguyễn Văn C khai phá đất vườn đến năm 1985 cho con trai là Nguyễn Văn L đến tháng 02/1999 ông L làm nhà đến tháng 12/2000 ông L nhượng lại cho em gái là bà Nguyễn Thị H nhà ở và đất ở sử dụng ổn định cho đến nay. Tuy nhiên qua kiểm tra hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính được đo đạc và nghiệm thu năm 2008 và bản đồ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị M, huyện B được đo đạc và nghiệm thu năm 2018 không thể hiện bà Nguyễn Thị H có tài sản, vật kiến trúc trên đất. Mặt khác theo văn bản số 321/CCT-NVQLT ngày 02/3/2022 của Chi cục Thuế huyện B có văn bản phúc đáp về cung cấp thông tin, tài liệu thì bà Nguyễn Thị H không có tên trong sổ bộ quản lý sử dụng đất phi nông nghiệp.

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc xác định loại đất, UBND huyện B thu hồi, bồi thường đất nông nghiệp cho bà Nguyễn Thị H là đúng quy định.

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, bà Nguyễn Thị H đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Về trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh L

về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị M, thị trấn P và Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh L phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án, UBND huyện B đã triển khai trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau:

- Ngày 09/7/2019, UBND huyện đã tổ chức họp với các hộ gia đình, cá nhân trong khu vực thu hồi đất để công khai và triển khai công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Ngày 22/7/2020, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3592/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án.

- Ngày 30/7/2020, UBND huyện đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 531TB-UBND để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Dự án.

- Ngày 18/7/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất phối hợp với UBND thị trấn P, Chủ đầu tư và hộ gia đình bà Nguyễn Thị H đã tổ chức tiến hành thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất, hoa màu và lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Ngày 24/4/2023, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1423 về việc thu hồi đất và Quyết định số 1425 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ Dự án.

- Ngày 10/5/2023, Ban Q1 với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện và UBND thị trấn P chi trả tiền cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị H theo Thông báo số 29/TB-QLDA ngày 08/5/2023 của Ban Q1, tuy nhiên bà Nguyễn Thị H không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

- Ngày 15/5/2023, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện phối hợp với Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban mặt trận tổ Q2 và các ban ngành, đoàn thể thị trấn P tổ chức vận động, thuyết phục bà Nguyễn Thị H chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên bà H không chấp hành nhận tiền và không bàn giao đất để thực hiện công trình.

- Ngày 26/5/2023, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1948 về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Ngày 26/5/2023, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1954/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

Như vậy, UBND huyện B đã thực hiện trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đề nghị Tòa án xem xét, xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2024/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 106 Luật Đất đai 2003; Điều 11, Điều 66, Điều 69, Điều 100 Luật Đất đai 2013; Điều 20, Điều 21 Nghị định

43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H về việc: Hủy Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H như sau:

- Hủy Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 của UBND huyện B về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Hủy một phần Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 của UBND huyện B về việc: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai liên quan đến hộ gia đình bà Nguyễn Thị H.

- Hủy một phần Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B liên quan đến hộ gia đình bà Nguyễn Thị H.

- Buộc UBND huyện B thực hiện công vụ và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2024, người bị kiện là UBND huyện B có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn xin hoãn phiên tòa; người bị kiện là UBND huyện B thông qua người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và quan điểm đã trình bày, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định diện tích đất của bà Nguyễn Thị H bị thu hồi có nguồn gốc là đất trồng cây lâu năm của ông Nguyễn Văn L chưa được cấp GCNQSD đất, không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai, việc chuyển nhượng theo giấy viết tay, chưa đủ căn cứ xác định là sử dụng đất ở ổn định, lâu dài, liên tục trước ngày 01/7/2024, không có tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất; Các quyết định hành chính bị kiện được ban hành có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật;

Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện trừ yêu cầu khởi kiện đã rút là chưa chính xác. Có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1423, một phần Quyết định số 1425 của UBND huyện B liên quan đến hộ gia đình bà H; Hủy Quyết định số 1948 của Chủ tịch UBND huyện B; Hủy một phần Quyết định số 4561 của UBND huyện B liên quan đến gia đình bà H; Buộc UBND huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Đây là quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện B vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền; người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Nguyễn Thị D có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, việc vắng mặt của bà D không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người khởi kiện.

[1.3]. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 1948 của Chủ tịch UBND huyện B nằm trong phạm vi được ủy quyền, hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút là đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của UBND huyện B, HĐXX thấy:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1423, Quyết định số 1425 và Quyết định số 4561 của UBND huyện B:

[2.1.1]. Về thẩm quyền ban hành: UBND huyện B ban hành Quyết định số 1423, Quyết định số 1425, Quyết định số 4561 là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

[2.1.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành:

Trước khi ban hành các quyết định nêu trên, UBND huyện B đã ban hành

Thông báo thu hồi đất, xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ; sau đó tiến hành kiểm tra, thanh tra các diện tích đất liên quan đến dự án. Vì vậy, Quyết định số 1423, Quyết định số 1425 và Quyết định số 4561 đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.1.3]. Về nội dung:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Mặc dù Biên bản họp ngày 22/6/2022 của UBND thị trấn P về việc lấy ý kiến về nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H thể hiện năm 1963 ông Nguyễn Văn C khai phá đất vườn, đến năm 1985 cho con trai là Nguyễn Văn L, đến tháng 02/1999 ông L làm nhà, đến tháng 12/2000, ông L nhượng lại cho em gái là bà Nguyễn Thị H nhà ở và đất ở, sử dụng ổn định cho đến nay; tuy nhiên qua kiểm tra hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính được đo đạc và nghiệm thu năm 2008, bản đồ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị M, huyện B được đo đạc và nghiệm thu năm 2018 không thể hiện có tên bà Nguyễn Thị H có tài sản, vật kiến trúc trên đất, thực tế bà H cũng không sinh sống trên thửa đất bị thu hồi mà ở tại thành phố L. Mặt khác, theo Văn bản số 321/CCT-NVQLT ngày 02/3/2022 của Chi cục Thuế huyện B thì bà Nguyễn Thị H không có tên trong sổ bộ quản lý sử dụng đất phi nông nghiệp. Trên thực tế, việc chuyển nhượng giữa ông L và bà H bằng giấy tờ viết tay, hiện thửa đất vẫn đứng tên ông Nguyễn Văn L, chưa được cấp GCNQSD đất mang tên bà H. Bà H cho rằng khoảng tháng 12/2022 đã làm thủ tục đề cấp GCNQSD đất đối với một phần diện tích trong tổng diện tích bị thu hồi (100m², thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ DC5) và đã nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định và cung cấp Văn bản số 605/CNVPĐK ngày 31/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, nhưng theo phúc đáp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, UBND huyện B và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở khẳng định diện tích đất hộ bà Nguyễn Thị H bị thu hồi có nguồn gốc là đất CLN của ông Nguyễn Văn L chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tách đất và chưa được cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật, chưa đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định tại thời điểm thu hồi đất. Quá trình giải quyết vụ án, bà H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc sử dụng đất của hộ bà H thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 20 cũng như đã sử dụng đất ổn định, lâu dài vào mục đích đất ở theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, trường hợp này cần xác định hộ bà H sử dụng đất nhưng chưa có các loại giấy tờ quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ vào quy định tại Điều 11, khoản 4 Điều 59 Luật Đất đai 2013; khoản 5 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc UBND huyện B xác định loại đất hộ bà Nguyễn Thị H bị thu hồi là đất CLN từ đó ban hành Quyết định số 1423/QĐ là có căn cứ; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, hủy Quyết định 1423 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị H là không phù hợp với quy định pháp luật.

Do hộ bà Nguyễn Thị H sử dụng đất và công trình nhà ở trên đất thu hồi 238,2m² đất thuộc loại đất trồng cây lâu năm; UBND huyện B áp giá và bồi thường theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 và Quyết định 449/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh L quy định về bảng giá đất để bồi thường đối với diện tích đất trồng cây lâu năm là đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 tại thời điểm thu hồi đất. Tại thời điểm thu hồi đất, bà H không còn chỗ ở nào khác, UBND huyện B xác định thuộc trường hợp *“thu hồi hết đất ở mà trong địa bàn xã, phường, thị trấn không còn đất ở, nhà ở nào khác nên được nhà nước giao đất ở...có thu tiền...”* để phê duyệt cho bà H 01 suất đất ở tại đô thị là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật về đất đai, bảo đảm quyền lợi của người sử dụng đất khi bị thu hồi đất. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc hủy một phần Quyết định số 1425 và Quyết định số 4561 là không có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu buộc UBND huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ thống kê, bồi thường chi trả các chính sách hỗ trợ và cấp đất định cư cho các gia đình bà H theo đúng quy định của pháp luật:

Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định, đánh giá yêu cầu này của bà H là có căn cứ hay không mà lại tuyên *“Buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện công vụ và nhiệm vụ theo quy định”* là thiếu sót. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên, các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện B đều có căn cứ, nên việc buộc UBND huyện B phải thực hiện những nhiệm vụ, công vụ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ bà H là không đúng quy định pháp luật. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, có đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đề nghị hủy các Quyết định số 1423, Quyết định số 1425 và Quyết định số 4561 liên quan đến hộ gia đình bà H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên UBND huyện B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

HĐXX phúc thẩm sẽ tính toán lại án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là UBND huyện B; sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2024/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của

Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 106 Luật Đất đai 2003; Điều 11, Điều 59, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H về việc: Hủy Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H về việc:

+ Hủy Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 của UBND huyện B về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

+ Hủy một phần Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 của UBND huyện B về việc: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai liên quan đến hộ gia đình bà Nguyễn Thị H.

+ Hủy một phần Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B liên quan đến hộ gia đình bà Nguyễn Thị H.

+ Buộc UBND huyện B thực hiện công vụ và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 0000005 ngày 08/12/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, xác nhận bà Nguyễn Thị H đã thi hành xong án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch và UBND huyện B, tỉnh Lào Cai không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện B, tỉnh Lào Cai không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nên được hoàn trả số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000155 ngày 10/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền chi phí tố tụng là

5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Xác nhận bà H đã nộp số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại tòa án.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- **Nơi nhận:**
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyên